

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS- ST
Ngày 28-9-2022
V/v Tranh chấp về thừa kế tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bá

Ông Thạch MuNi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 305/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị TN, sinh ngày 01/01/1972

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị TN: Ông Dương Chí C, sinh năm: 1968; Địa chỉ: khómB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022)(có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1957;(có mặt)

2. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Văn N: Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1957; địa chỉ: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Daintree P, Red B Q-1, Australia

Nơi ở hiện nay: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Ngọc T: Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1957; Địa chỉ: khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022).

- *Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà Võ Thị Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc T:* Luật sư Nguyễn Thanh H- Văn phòng Luật sư Thanh H- Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ: khóm B, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Do ông Nguyễn Văn H– Chủ tịch Ủy ban nhân dân đại diện (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 của bà Võ Thị TN trình bày: Cụ Võ Văn S chết ngày 12/02/1983 và cụ Trần Thị H chết ngày 20/12/2001 chung sống với nhau có 05 người con, bao gồm: Võ Văn V(chết năm 1973) không có vợ con; Võ Thị Ngọc A, sinh 1953; Võ Thị Ngọc T, sinh 1960; Võ Văn Tường (chết 1986) không có vợ con; Võ Thị TN, sinh 1972

Lúc sinh thời cụ S và cụ H có tạo lập căn nhà cấp bốn diện tích 160m² gắn liền diện tích đất 206,1 m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bà N chung sống với cha mẹ từ nhỏ đến lớn và cùng quản lý nhà cùng với cụ H. Sau khi cụ S và cụ H mất bà Võ Thị Ngọc A cùng Chồng là Huỳnh Văn N làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp quyền sử dụng ngày 15/12/2005.

Cụ S và cụ H chết không để lại di chúc và cũng không có tặng cho tài sản cho bất kỳ ai. Nay bà Võ Thị TN khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị Ngọc A và Huỳnh Văn N, chia thừa kế cho bà được hưởng một suất theo quy định.

Theo lời khai của bà Võ Thị Ngọc A là bị đơn trình bày:

Bà thống nhất lời khai của bà Về thời điểm mất của cụ S và cụ H cũng như hàng thừa kế của cụ S và cụ H.

Về di sản của cụ S và cụ H: Trước đây cha mẹ bà sinh sống trên thửa đất tại Bệnh viện huyện T hiện nay do nhà nước thu hồi và bồi tH tái định cư cho cụ H diện tích 1.500m² gần cổng chào cũ của huyện Tiểu Cần do đất tái định cư ở giữa ruộng gần lò thêu nên cụ H mới bán thửa đất này mua diện tích đất 206,1 m² thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để cất nhà ở. Thửa đất tái định cư cụ H bán được 06 chỉ vàng và bà Võ Thị Ngọc T có hùn vào 20 cây vàng để mua đất cất nhà như hiện nay. Sau khi cụ H mất ba chị em bà thống nhất để cho bà đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay nhà bỏ trống, bà ở gần tới lui lo nhang đèn thờ cúng cha mẹ. Trước đây bà là người chăm sóc cho

cụ H, còn bà Nừ nhỏ mâu thuẫn với gia đình và cụ H đã từ bỏ bà N, bà N không có công sức phụng dưỡng cha mẹ.

Nay bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà N, đây là tài sản của cha mẹ dùng làm nhà thờ cúng cha mẹ.

Theo lời khai của bà Võ Thị Ngọc T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà thống nhất lời khai của bà N về thời điểm mất của cụ S và cụ H cũng như hàng thừa kế của cụ S và cụ H.

Cụ S và cụ H chết không có để lại tài sản gì. Trước đây mẹ bà sinh sống trên thửa đất tại Bệnh viện huyện T hiện nay do nhà nước thu hồi và bồi thường tái định cư cho cụ H diện tích 1.500m² gần cổng chào cũ của huyện Tiểu Cần do đất tái định cư ở giữa ruộng gần lò thêu nên cụ H mới bán thửa đất này mua diện tích đất 206,1 m² thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để cất nhà ở. Bà đã đưa cho cụ H 20 cây vàng để mua đất cất nhà. Sau khi cụ H mất bà đồng ý cho bà Võ Thị Ngọc A đứng tên quyền sử dụng đất. Nay bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà N.

Theo văn bản số 2859/UBND-NC ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần: Đối với việc tranh chấp giữa các đương sự, Ủy ban nhân dân không có ý kiến. Riêng yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị TN, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Ngọc A tại thửa 15, tờ bản đồ số 14, diện tích 206,1m² là đúng đối tượng, thủ tục tại thời điểm cấp giấy, do đó không thống nhất nội dung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị TN.

- *Ý kiến của ông Dương Chí C tại phiên toà:* Di sản của cụ H chết để lại bà T có công suất nhiều nên chia cho bà Hương 2 phần, chia cho bà A và bà N mỗi người một phần.

- *Ý kiến bà Võ Thị Ngọc A:* bà N không có công sức trong việc bảo quản di sản, cũng không có công sức tạo lập tài sản. Khi có chồng bà H đã từ bỏ bà N và bà N không có chăm lo cho bà H mà do bà T gửi về cho bà chăm sóc; Khi bà H mất bà là người lo mai táng và thờ cúng quản lý di sản nên bà A yêu cầu Toà án xem xét công sức của bà và bà T khi chia thừa kế.

- *Ý kiến của bà Võ Thị Ngọc T:* Nhà và đất của bà H do bà cho tiền bà H mua đất cất nhà bà A là người chăm sóc lo thờ cúng ông bà cha mẹ Đề nghị Toà xem xét công sức của bà và bà A. Phần thừa kế của bà Tuyết, bà đồng ý để cho bà A được hưởng để thờ cúng cha mẹ.

Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Ngọc A và Võ Thị Ngọc T: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà N. Do bà N không chứng minh được nhà đất là của bà H chết để lại. Khi bà A đi làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất được bà N và bà T thống nhất. Tuy nhiên văn bản đồng thuận đã thất lạc trong hồ sơ lưu trữ của huyện không có. Nguồn gốc nhà

đất bà A bà T thừa nhận là do bà T gửi tiền cho bà H mua đất cất nhà, Nên nhà đất cụ H chết để lại không phải là di sản nên không chia thừa kế cho bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Thời hiệu chia thừa kế là nhà đất của cụ Sông và cụ H còn thời hiệu theo quy định của pháp luật. Hai cụ chết không để lại di chúc nên được chia theo quy định của pháp luật. Bà Tvà bà N có công sức tạo lập di sản nên ưu tiên cho hai bà mỗi người hưởng thêm một suất khi chia thừa kế. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T để cho bà A được hưởng phần di sản của bà T được hưởng. Về án phí, lệ phí thẩm định các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của luật sư, kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp tài sản thừa kế có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hàng thừa kế

Cụ Võ Văn S chết ngày 12/02/1983 và cụ Trần Thị H chết ngày 20/12/2001 chung sống với nhau có 05 người con, bao gồm: Võ Văn V (chết năm 1973) không có vợ con; Võ Thị Ngọc A, sinh 1953; Võ Thị Ngọc T, sinh 1960; Võ Văn Tường (chết 1986) không có vợ con; Võ Thị TN, sinh 1972.

Hai cụ không có con nuôi, con riêng nên hàng thừa kế thứ nhất hiện nay của cụ S và cụ H có 03 người: Võ Thị Ngọc A, Võ Thị Ngọc T, Võ Thị TN.

[2.2] Thời hiệu khởi kiện

Bà Võ Thị TN khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là nhà gắn liền diện tích đất 206,1 m². Theo quy định điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Nguyên đơn Võ Thị TN yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu nên được xem xét giải quyết

[2.3] Di sản thừa kế.

Thửa số 15, tờ bản đồ số 14 diện tích tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện nay ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Ngọc A được cấp quyền sử dụng đất trên đất có căn nhà cấp 4 có nguồn gốc: Bà N khai căn nhà cấp bốn

diện tích 160 m² gắn liền diện tích đất 206,1 m² thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh là di sản của cụ S và cụ H để lại. Bà A và bà Tkhai cụ H do bà Tở nước ngoài gửi cho cụ H 20 cây vàng để mua đất và cất nhà. Đôi phần đất nhà nước bồi tH hỗ trợ tái định cư chỉ có 06 chỉ vàng 24K.

Các đương sự thống nhất với nhau trước đây cụ S và cụ H có nhà đất nhưng nhà nước thu hồi làm Bệnh viện huyện T nên bồi thường đất khác ở không được mới bán về mua đất xây nhà trên diện tích đất 206,1 m² thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Cụ S chết năm 1983 nên thừa kế chuyển tiếp cho các thừa kế. Sau khi nhà nước thu hồi đất bồi tH hỗ trợ tái định cư cụ H lấy phần đất này bán để mua đất khác. Bà A và bà Tkhai bà Thùn 20 cây vàng cho cụ H để mua đất và cất nhà. Bà A và bà Tkhai đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc bà Thùn mua đất cất nhà. Mặc khác bà Tkhai khi cụ H sang nước ngoài về bà có cho 20 cây vàng để mua đất cất nhà. Diện tích đất cất nhà hiện nay theo tư liệu năm 1991 do cụ H kê khai. Từ đó có căn cứ xác định nhà và đất đang tranh chấp là của cụ H chết để lại.

[2.4] Bà Võ Thị Ngọc A cho rằng sau khi cụ H mất các chị em thống nhất giao cho bà đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu để căn nhà làm nơi thờ cúng cha mẹ không đồng ý chia thừa kế. Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh cung cấp từ BL 74-84 thể hiện tư liệu năm 1992 cụ Trần Thị Hăng ký kê khai, năm 2005 ông Huỳnh Văn N và bà Võ Thị Ngọc A đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện cấp quyền sử dụng đất ngày 15/12/2005. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị Ngọc A khai nguồn gốc đất của mẹ tên Trần Thị H để lại năm 2002, hồ sơ không có văn bản thể hiện các đồng thừa kế thống nhất giao cho bà Võ Thị Ngọc A được hưởng thừa kế căn nhà và đất. Nay bà Võ Thị TN yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ.

[2.5] Bà Võ Thị Ngọc A và bà Võ Thị Ngọc T không đồng ý chia thừa kế mà yêu cầu dùng làm di sản thờ cúng cha mẹ.

Theo khoản 1 Điều 645 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng. Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng. Trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật*”, cụ H chết không để lại di chúc, bà Nkhông thống nhất đưa di sản thừa kế làm nơi thờ cúng nên di sản thừa kế được phân chia theo quy định của pháp luật.

[2.6] Sau khi cụ H mất năm 2002, căn nhà của bà H không có ai ở bà A là người có nhà ở gần trong coi di sản và thờ cúng cha mẹ. Bà Ncho rằng bà ở chung với cụ H. Qua xác minh những người sống tại địa phương thì từ khi bà N có chồng không có chung sống với cụ H nên khi chia thừa kế không xem xét công sức giữ gìn bảo quản di sản của bà N. Bà A có công sức trông coi và lo hương khói cho cha mẹ đã mất nên trích ra công sức giữ gìn tài sản cho bà tương đương 1 suất thừa kế. Các đương sự khai bà T là người cho bà H tiền để tạo lập nên di sản và đồng ý trích ra cho bà T hưởng thêm 1 phần thừa kế. Từ đó, di sản của cụ H để lại trích ra cho bà T và bà A được hưởng thêm một phần, còn lại được chia thừa kế cho ba người hàng thừa kế thứ nhất của cụ H.

Theo Biên bản định giá ngày 12/8/2002 giá trị đất bằng 1.160.000.000 đồng, giá trị nhà, sân hàng rào 169.954.209 đồng. Tổng cộng bằng 1.329.954.209 đồng. Trích công sức của bà A, công sức tạo lập của bà T bằng 531.981.684 đồng còn lại 797.972.525 đồng chia đều cho 3 suất thừa kế mỗi phần bằng 265.990.841 đồng.

Hiện nay bà A đang quản lý trong coi nhà và đất nên giao cho bà A tiếp tục quản lý bà A thanh toán giá trị lại cho các thừa kế.

Bà Võ Thị Ngọc T đồng ý nh phần thừa kế của bà được hưởng cho bà A nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[3] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 206,1m², thửa số 15, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh của bà Võ Thị TN. Việc Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp quyền sử dụng đất thừa cho ông Huỳnh Văn N và Võ Thị Ngọc A như nhận định phần [2.4] là sai quy định pháp luật. Tuy nhiên phần nhà đất giao cho bà A hưởng, để ổn định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần nhà đất này ông Huỳnh Văn N không được hưởng thừa kế nên bà A và ông N thỏa thuận với nhau việc điều chỉnh lại quyền sử dụng đất nếu có yêu cầu thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Ý kiến của vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc A, Võ Thị Ngọc T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH miễn án phí cho bà A và bà Tuyết. Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu tương ứng trên phần giá trị tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 658, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị TN.

Tuyên xử:

1. Chia thừa kế theo pháp luật căn nhà gắn liền diện tích đất 200 m² (diện tích thực đo) thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh của cụ Trần Thị Hcho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Võ Thị TN, Võ Thị Ngọc A, Võ Thị Ngọc T.

2. Giao cho bà Võ Thị Ngọc A được quyền sở hữu căn nhà cấp bốn gắn liền diện tích đất 200 m², thửa số 15, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bà Võ Thị Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Võ Thị TN bằng 265.990.841 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ngàn tám trăm bốn mươi một đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Ngọc T giao phần thừa kế của bà Võ Thị Ngọc T cho bà Võ Thị Ngọc A được trọn hưởng.

3. Về Lệ phí cung cấp thông tin, thẩm định, định giá: 3.026.577 đồng. bà Võ Thị TN phải chịu 605.316 đồng. Bà Võ Thị Ngọc A phải chịu 2.421.261 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng nên cơ quan Thi hành án thu của bà Tuyết, bà A trả lại cho bà N. Còn lại 6.973.423 đồng bà N được nhận lại tại Tòa án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị TN phải chịu 13.299.542 đồng. Bà TN đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011656 ngày 17/5/2022 nên cần trừ còn lại 3.299.542 đồng bà N phải nộp tiếp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung